

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Thanh Trà.

- Ông Phạm Xoa.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Ngọc D – sinh năm 1991

Địa chỉ: đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Huỳnh Phan Thiên P – công ty luật TNHH Huỳnh Thiên P. Địa chỉ: đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T; Địa chỉ: đường L, phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn*: Bà Đặng Thị Mỹ G - sinh năm 1970. Vắng mặt

Địa chỉ: đường Đ, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nội dung vụ án như sau:

Giữa bà Phan Thị Ngọc D và bà Đặng Thị Mỹ G có vay mượn tiền nhiều lần.
Ngày 01/5/2022 bà Phan Thị Ngọc D và bà Đặng Thị Mỹ G cùng thống nhất xác

nhận, bà G còn vay bà D số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi theo mức cao nhất pháp luật Việt Nam cho phép, và hẹn đến ngày 31/8/2022 bà G sẽ trả cho bà D số tiền gốc và lãi nói trên. Sau đó, bà G có trả cho bà D tổng số tiền 26.500.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 23/5/2022, trả 5.000.000 đồng
- Ngày 16/6/2022, trả 8.000.000 đồng
- Ngày 25/6/2022, trả số tiền 1.500.000 đồng
- Ngày 12/7/2022, trả số tiền 12.000.000 đồng.

Số tiền trên là tiền lãi đối với khoản vay 1.200.000.000 đồng.

Do bà G không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ gốc và lãi nên bà D khởi kiện, yêu cầu bà G phải trả số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng và nợ lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/8/2022 là 3.500.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 01/9/2022 đến 12/01/2023 là 44.054.794 đồng. Lãi tiếp tục được tính từ ngày 13/01/2023. Số tiền lãi từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/8/2022 tính theo thỏa thuận vay là 40.438.846 đồng. Bà G đã trả được 26.500.000 đồng, còn lại 13.938.936 đồng. Tuy nhiên tại đơn khởi kiện, nguyên đơn tính nhằm số tiền lãi nên chỉ yêu cầu 3.500.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/8/2022 là 3.500.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 01/9/2022 đến 17/7/2023 (320 ngày) là 105.205.479 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.308.705.479 đồng.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 17/4/2023, bà G thừa nhận vào ngày 01/5/2022 bà Đặng Thị Mỹ G có chốt số tiền vay bà Phan Thị Ngọc D là 1.200.000.000 đồng, và có viết giấy vay tiền, lãi suất theo mức cao nhất pháp luật Việt Nam cho phép, và hẹn đến ngày 31/8/2022 bà G sẽ trả cho bà D số tiền gốc và lãi nói trên. Sau đó, bà G có trả cho bà D một số tiền lãi, không nhớ rõ bao nhiêu. Nay, bà D khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/01/2023 là 47.554.794 đồng thì bà G đồng ý. Tuy nhiên do khó khăn tài chính nên bà G xin được trả dần làm 4 đợt.

Tại buổi hòa giải các bên không thống nhất được phương án trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, do đó HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bà G.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng, thì thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận vào ngày 01/5/2022 bà Phan Thị Ngọc D có cho bà Đặng Thị Mỹ G vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Việc vay tiền có viết giấy vay, không thỏa thuận cụ thể về lãi suất, thời hạn vay đến ngày 31/8/2022. Hết thời hạn trên, bà G mới chỉ trả cho bà D tổng số tiền 26.500.000 đồng. Cụ thể: Ngày 23/5/2022, trả 5.000.000 đồng; Ngày 16/6/2022, trả 8.000.000 đồng; Ngày 25/6/2022, trả số tiền 1.500.000 đồng; Ngày 12/7/2022, trả số tiền 12.000.000 đồng. Các bên đều xác nhận chỉ mới trả tiền lãi. Hợp đồng vay tài sản này thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

HĐXX nhận thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 1.200.000.000 đồng theo thỏa thuận tại Giấy biên nhận vay tiền ngày 01/5/2022. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số nợ gốc 1.200.000.000 đồng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi 108.705.479 đồng (Gồm tiền lãi tính từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/8/2022 là 3.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2022 đến 17/7/2023 là 105.205.479 đồng), HĐXX nhận thấy các bên có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên thỏa thuận không xác định rõ lãi suất, do đó áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi nêu trên là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc D đối với bà Đặng Thị Mỹ G.

Xử: Buộc bà Đặng Thị Mỹ G phải trả cho bà Phan Thị Ngọc D số tiền 1.308.705.479 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ tám triệu bảy trăm lẻ năm ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/5/2022 đến ngày 31/8/2022 là 3.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2022 đến 17/7/2023 là 105.205.479 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Mỹ G phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 51.261.164 đồng (Năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi một ngàn một trăm sáu mươi tư đồng). Hoàn trả cho bà Phan Thị Ngọc D 24.713.322 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm mười ba ngàn ba trăm hai mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0007127 ngày 10/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thủy